

ĐÔI NÉT VỀ THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ NGHỆ TĨNH

Nguyễn Nhã Bản*

1. Thành ngữ (Idiomatic expression), tục ngữ (saying) cùng với ca dao, dân ca, truyện cổ tích, truyền thuyết, thần thoại,... là kho báu của văn hóa dân tộc. Hai đơn vị thành ngữ, tục ngữ được quan tâm, nghiên cứu trong ngôn ngữ học, văn hóa dân gian, văn hóa học... Dĩ nhiên, do cách tiếp cận mà mỗi ngành học, mỗi nhà nghiên cứu hướng đến hai đơn vị này theo những cách khác nhau, hoặc từ phía cấu trúc hoặc từ phía ngữ nghĩa – văn hóa. Các tác giả Dương Quảng Hàm, Cao Huy Đình, Đinh Gia Khánh, Bùi Văn Nguyên, Chu Xuân Diên, Nguyễn Xuân Kính, Hoàng Tiến Tựu,... từ một phía, và Nguyễn Văn Tu, Đái Xuân Ninh, Đỗ Hữu Châu, Hoàng Văn Hành, Cù Đình Tú, Trương Đông San, Bùi Khắc Việt, Nguyễn Thái Hòa, Hồ Lê,... từ phía khác. Hơn đâu khác, thành ngữ, tục ngữ đã chỉ ra các mối quan hệ xã hội, dạy chúng ta cách ứng xử trong quan hệ cộng đồng, làng xóm, dòng họ, gia đình,... Ví như: *ăn cơm nhà vác ngà voi, ăn cháo đá bát, cầm đèn chạy trước ô tô, đội trời đạp đất, giả ân giả nghĩa, lừa thầy phản bạn... ai nuôi chó một nhà ai nuôi gà một sân, mưa tháng bảy gây càn trám, nắng tháng tám rám trái bưởi...*

Có người gọi thành ngữ là cụm từ cố định hay ngữ cố định. Điều này cũng dễ hiểu, ý nghĩa cũng như cấu tạo là của cụm từ tự do, song chúng đã được cố định hóa chặt chẽ, sẵn có, bắt buộc và mang đủ tiêu chí như từ. Hay diễn đạt khác đi: *Thành ngữ là đơn vị tương đương với từ, có tính chất cố định, bền chặt về kết cấu, mang ý nghĩa biểu trưng.* Thành ngữ *nước mất cá sấu* hoàn chỉnh về mặt kết cấu, tổ chức trật tự các yếu tố không thể đảo ngược được, mang ý nghĩa biểu trưng.

Đơn vị tục ngữ đúc rút kinh nghiệm, tri thức dưới hình thức những câu nói ngắn gọn, súc tích, giàu vần điệu, giàu hình ảnh, dễ nhớ, dễ thuộc. Có tác giả như Hoàng Văn Hành quan niệm tục ngữ là câu - thông điệp nghệ thuật, nghĩa là tục ngữ mang hai tư cách: Tục ngữ là câu nhưng khác với câu thông thường ở chỗ nó có đặc trưng là thông điệp nghệ thuật nhưng khác với thông điệp khác ở chỗ nó có hình thức một câu (xin xem Hoàng Văn Hành)... Ví dụ: *Con hư tại mẹ cháu hư tại bà.*

Theo thống kê của chúng tôi trong *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Nghệ Tĩnh* có tất cả 1894 mục từ, trong đó 998 thành ngữ và 896 tục ngữ. Do khuôn khổ của bài viết, dưới đây chúng tôi chỉ nêu qua một số nét về thành ngữ, tục ngữ Nghệ Tĩnh.

2. Chúng tôi ủng hộ cách phân loại thành ngữ của GS. Hoàng Văn Hành: thành ngữ đối, thành ngữ so sánh và thành ngữ thường (xin xem Hoàng Văn Hành). Có thể kể ra một

* Đại học Vinh.

số thành ngữ Nghệ Tĩnh: *Ả em du như bù nác nể, ả em du như tru một bìn, ả em gậy như trảy cau non, ả em du nói tru thành bò, anh em rẻ như chùi sể quét nhà, áo cụt quần quàng, ăn đau com, mặc xót áo, ăn no béo mỡ, bụng tròn như vại nhút, buồn như anh mất gậy, cả rập cả để, cả vô lừ, cả trong oi, loảm ngoằm như kẻ Trầm mất tru, căng xéo khoai, căng như xoi điếu, căng như que khăng, chạy hơi ngút lỗ tai, chạy như chó phải lỏi, chó ăn mồm, chưa đặt khu đã tu mồm, co ro như cò tháng tám, chữa lò hóa đui, có đi có bấp, con nít lỗ đít có tinh, cười như đười ươi nắm ống, cười như bò đấy tằm tôn, cười nhe răng, cười toét mồm, cười trót lợi, cười re ré như chó xé giẻ lụa, cười như hoa kít lộn, buồn rười rượi như khoai mới trồng, cười bá ngành dâu, com trắng mà khô, da đen như côc muông cháy, dao vàng lắt rọt tằm roi, đốt nát như bìn, đau như lấy gậy mà lể, đầu dây mũi nhợ, đập phen xoi mọt, tróc củi quá tai, măng mọc quá pheo, đi hôm về trâm, đỏ như mỏng gà ri, đôi đốt lỏi mà nhởi, đồ cá tràu, đôi mách đôi lai, ghin tre che một phía, ăn cho bẻ đội lỏi đũa, hay như cối xay lỏi cốt, hết gạo treo nôi, hôi như trúm, hôi như ruốc rạm, hột mới cắn đôi, kẻ nhè như che kéo mặt, khăm đũa không bố, khai như nác đấy bò, vẽ cho dĩ xăn mấn, khun chi trẻ khỏe chi tra, khun quá hóa ngu, kín tranh hơn lành gỗ, kít cá hơn lá rau, kít dài hơn nác đấy, lao xao như bò chao bẻ ố, lạy khu cao hơn tróc, lằng nhằng như chó lẹo chắc, lằng xằng như lằng bu cút, loay xoay như tru dậm chạc mũi, lóc bóc như cá tràu khe, lơ ngơ láo ngáo như gáo mức dầu, lớp tốp như chó đội kiềng, lớp tốp như cá róp tháng ba, ngu như bò đội nón, lu mu như khu thầy bói, lưng như lưng ong đứt, mên thừa gió lợt, mỗ mềo lấy cá, mòn đànng chết cỏ, mồm ngài nọc tẩn, nác chắm khu bù mới nổi, nác đổ lá môn, nằng xiên khoai, ngài như chạc khoai, ngài răng của rứa, ngài mồi chun, ghun mồi miệng, nghe đã thành tru, ngán như ăn com nếp, ngoác họng như họng chàng làng, ngon rau đau com, ngủ như chó cục no sữa, ngôi như ẻ nác lựt, ngủ như tru sít trọ, nhâm như trú, yêu nhau lắm **cắm** nhau đau, xuýt chó vô còn, xán rá đá niêu, tức như bò đá dái, tức nổ rọt, tùà trời bốc nạm, tron **long** đủ cánh, trốn như chó trốn con, tróc bù ngủ như rom, tròn như nóng, tre non đuôi én, trậm như trắn, tràng sưa sáo rách, tra rồi còn đeo hoa trập trội, tốt mốt ngon tương, to như bò sể cạp, thương không có xương mà cạp, thổi lá cháy mồm...*

Đó rách ngáng trọ (đó: một loại dụng cụ đánh bắt cá, hình trụ, tết bằng tre, miệng túm, hom trở ở hông, được đặt chắn ngang ở dòng nước chảy để đón cá; *trọ*: dòng nước chảy bị chặn lại để đặt *đó*). Thành ngữ này hàm chỉ người không có năng lực hoặc đã hết khả năng, hết thời mà vẫn chiếm giữ vị trí, cản trở người đáng được trọng dụng hơn:

Đó rách mà đó nở trôi

Đó còn ngáng trọ cho tôi cực lòng.

(Ca dao)

Khu vực thành ngữ so sánh ở Nghệ Tĩnh rất phong phú. Sự phong phú ở đây không chỉ thuần túy về mặt số lượng mà sự so sánh A như B - thực chất khi nói so sánh là sự lưỡng phân. Vì rằng, ở đây dùng cái này để xem xét cái kia, phía bên kia để làm rõ, chỉ ra giống nhau hay khác nhau, sự hơn hay thua kém. Muốn hiểu nghĩa của chúng để thấy được dấu ấn văn hóa thì phải xem xét trong ngữ cảnh cụ thể để tìm nghĩa biểu trưng. Chúng ta phải xem xét thuộc tính so sánh (do (A) biểu thị) và về nói về thuộc tính được so sánh (do cấu trúc *như B* biểu thị). Ví dụ: *bụng tròn như vại nhút, ả em du như bù nác nể, ả em du như tru một bìn, ả em du như khu ẻ trịn, ả em gậy như trảy cau non, cười như nghe, ngu như bò đội nón, ngủ như tru sít trọ, lóc bóc như cá tràu khe...* Đành rằng,

muốn hiểu chính xác nội dung ngữ nghĩa của các loại thành ngữ này nói riêng và thành ngữ, tục ngữ nói chung thì phải hiểu được những từ địa phương được sử dụng trong đó, ví dụ các từ: *nác nẻ, ẻ trịn, bịn, treo, vại nhút, cá tràu khe* trong các thành ngữ vừa nêu. Hoặc để hiểu thành ngữ *Béo như trăn mấn* phải hiểu được sự đối ứng ngữ âm giữa *trăn – rận* thì mới hiểu được nghĩa hàm ngôn của thành ngữ này. Cũng tương tự như với thành ngữ *Rặt rặt ẻ cứt dận*.

3. Xin dẫn ra một số tục ngữ Nghệ Tĩnh, (theo số lượng âm tiết từ bé đến lớn): *cau Lường trù Hiếu, xán rá đá niêu, kẻ ngái người ghin... cá đã nằm trong oi, gà mô ấp ổ nó, mần ả ngả mặt lên, nói tron bọt lọt lá, cói chó ngó cá tràu, ăn mòn đọi lợi đũa,... hết chuyện khun đùn chuyện đại, ăn ra trăn mần vô áo, ăn cơm tám ngấm về sau, ăn nót lóong, nói dâm buong, chuột chù ăn trù đồ mui, chim gà cá lệch cảnh cau, cứt một bãi chó cả bầy, đất làng Trù du Dao Tác, đầu gối lên chân đập cau, ai lạnh tay thì tày đũa, cấy phải trồng trồng phải chăm, cá sông Giăng mắng chợ Côn, trai Cát Ngạn gái Đô Lương, cầu Rú Hồng mống Tả Ao, trai Đông Thái gái Yên Hồ,... ả em du nói tru thành bò, bác một trự mự cũng một đồng, cam tròn thị vẹo khế cù queo, nác lợn nậy hơn cấy lợn con, kẹo thì ít con nít thì nhiều, nhà có nghech vách có lỗ tai, giàu có số đưng có mần chi, nghe đều con lon xon mắng người, anh trưạ chợ gặp ả lỗ đồ,... mồm tu hú ăn lở rú lở ri, lằm kẻ túm đít nhiều người bày xương, mây kéo rú Xước mưa ba bốn ngày, bò đã trao chạc bạc chồng trao tay, buôn trầu gặp nắng buôn đường gặp mưa, con du vô nhà mụ gia ra ngõ, cày lặt lằm ló nói lặt khó nghe, bánh đa chợ Cày bánh tày chợ Voi, bên ngoài thương nỏ bằng bên nội ghét, cơm cá trích ních mẩy cũng không no, cơm mô no chó ló mô no ga, chắm trăn lọ đuôi không nuôi cũng nậy, cơm sôi bớt lửa gấy chửa bớt đôn, Cửa Hội khó vào Cửa Trào khó ra, da đen khu đồ lằm ló lằm tiên, cưới vợ tháng hè bò què tháng sáu, muốn ăn cá nhòng lầy chồng kẻ bể, lởi xởi trời cho lo bo trời lầy, gỏi trum thì bớt gỏi lờ thì thêm, đưng ngồi ghé thất thế ngồi trệt, ngủ ngày quen mắt ăn trất quen mồm, kê chó lông già cà chó lông non, nhất chó sữa dai nhì ngài nói lạp... ăn không khéo không no nằm không co không ắm, buôn cau ăn cau sâu buôn trầu ăn trầu chậy, chui rú tội người cao lợi rào tội người thấp, da đen nỏ mồi mọt da trắng rọt thâm kim, đường tron đi cho chóng cháo nóng húp lợn quanh, đi queng đi quắt không bằng nác giắt chợ Hạ, canh tập tàng thì ngon con tập tàng thì khun, đỏi trưạ củi hay bò no con mắt buồn ngủ, mẹ đập một trăm nỏ bằng cha ngấm một tiếng, lạc đường bắt đuôi con chó lạc ngõ bắt đuôi con tru,... ăn cơm độn ngô mà nói chuyện thủ đô Hà Nội, con nỏ chê cha mẹ khó chó nỏ chê chủ nghèo, bười Phúc Trạch cam bù Hương Sơn hồng vương Thạch Hà, rú Đọ đọi mạo rú Vọng áp mái thì trời mưa,... ai biết có sống đến mai mà để cổ khoai đến mốt, ăn trất quen mồm ăn trộm quen tay ngủ bày quen mắt, con nít sướng khi ăn giỗ tru bò sướng khi sổ ràn, cơm chín tới cái vòng non gái một con gà mái ghe, đưng mùa cau đau mùa lúa đưng mùa lúa úa mùa cau, kẻ Cài reo kẻ Treo khóc kẻ Treo khóc kẻ Sóc reo, hội Thống lằm tiên Xuân Liên lằm ló Tiên Điền lằm quan, Đụn Sơn phân giải Bò Đái thất thanh Nam Đàn sinh thánh, lang đuôi thì bán lỗ trăn thì cày bạc mảy đánh thịt, nhà mặt đồng chồng giáo viên con hưởng ưu tiên miền núi,... giàu thì ghét đỏi thì khinh thông minh thì không dùng, kẻ thì ưa cá đồng nấu khế người thì ưa cá bể nấu dưa, đỏi trong bụng không ai hay áo rách cựa tay người ta biết... chim rừng gà rú chó nuôi bò hoe lọ trăn cộc đuôi thì đưng, chồng sang vợ đưng đi giày vợ sang chồng phải ăn mỳ có khi, có cây mới có dây leo có cột có kèo mới có đòn tay, con có khóc mẹ mới cho bú cháu đòi ngủ bà mới*

phải ru, cắt con người thì thối thì tanh cắt con mình nấu canh cũng ngọt, cơm sôi đừng cho đàn ông độ (chất nước cơm) ló lổ đừng cho đàn bà thăm... chim rừng gà rú chó nuôi trai có long bụng gái thăm mui thì đừng, khoa La Mạc lạc Cao Diêm tiền Hạnh Lâm mâm Văn Chấn mấn Cát Ngạn...mặt vuông trự điền mà tiền nở có con ngài méo mó thì có trự tiền, ai không ăn gai đầu mùa là đại ai không ăn mít trái mùa là ngu, được mùa Hồ Nón thì ló mười bảy mất mùa Hồ Nón thì ló bảy mươi,... cơm ló lổ tróc cá thên đèn dầu tây mây chợ Dừng mừng chợ Găng măng chợ Cồn... Đồng Môn dệt vải Cổ Đạm vắt nôi chợ Bộng vắt bình vôi Xuân Liễu bắt nạm cây hôi... rộc Mĩ Tú lấm cá lèn Trung Phường lấm đá đất chợ Bộng lấm nôi đất Văn Tập lấm vôi... siêng làng Trác nhác làng Sau lấm cau làng Nồi bạo ngồi Đồng Cạc lấm bạn làng Chùa lấm vua Đồng Dịch... và dài nhất là tục ngữ 36 âm tiết – điều mà chúng tôi không tìm thấy trong tục ngữ Việt Nam: lấm ló Xuân Viên lấm tiền Hội Thống lấm nóng Do Nha lấm cà Lộc Châu lấm dàu Cẩm Mĩ lấm bị kẻ Găng lấm măng kẻ Cừa lấm bừa Trung Sơn lấm cơn Yên Xứ.

Cũng cần nói thêm rằng, phương ngữ Nghệ Tĩnh nói riêng và phương ngữ Bắc Trung Bộ nói chung còn bảo lưu nhiều yếu tố cổ cả về phương diện ngữ âm lẫn từ vựng. Điều này đã được nhiều nhà nghiên cứu khẳng định và trong một số bài báo chúng tôi đã đề cập đến. Do vậy, khi hiểu nghĩa của thành ngữ, tục ngữ Nghệ Tĩnh cần quan tâm đến ngữ nghĩa một số từ và xem xét chúng về mặt cấu tạo, ví dụ tục ngữ *ra đàng hỏi kẻ tra về nhà hỏi con nít*. Ở đây cần hiểu *con nít* có thêm yếu tố *nít* để chỉ trẻ nhỏ (tục ngữ này ở Hương Sơn còn có biến thể *ra đàng hỏi kẻ tra về nhà hỏi cân nít*). Các từ *trẻ nít*, *lợn nít*... được cấu tạo theo cách đó. Yếu tố *kẻ* ngoài nghĩa chỉ làng, vùng còn có nghĩa chỉ người: *kẻ nậy* (người lớn), *kẻ tra* (người già), *kẻ tổ* (người đại)... nhưng không có *kẻ nít*. Cũng tương tự, yếu tố *mụ* chỉ bà và với nghĩa như vợ: *mụ nậy* (vợ cả), *mụ mọn* (vợ bé)... cũng từ đó để chúng ta hiểu tục ngữ: *kẹo thì ít con nít thì nhiều*. Trong tục ngữ trên có sự đối lập về số lượng: *kẹo ít >< con nít nhiều*, nghĩa là quyền lợi thì ít mà người tranh giành thì quá nhiều. Đồng nghĩa với tục ngữ này, ở Nghệ Tĩnh, còn có tục ngữ *cắt một bãi chó cả bày*.

Hơn đâu khác, ngữ nghĩa của vốn từ và thành ngữ, tục ngữ phản ánh bản sắc văn hóa dân tộc, khu vực một cách rõ nét nhất. Ngôn ngữ là thành tố của văn hóa và là thành tố quan trọng nhất. Và như nhiều lần, chúng tôi đã khẳng định: ngôn ngữ là địa chỉ của văn hóa. Khảo sát kĩ những cấu trúc – ngữ nghĩa của thành ngữ, tục ngữ, chúng ta sẽ có hàng loạt mã thông tin khác nhau./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
2. Bùi Khắc Việt, Về tính biểu trưng của thành ngữ trong tiếng Việt, tạp chí *Ngôn ngữ*, số 1, 1978.
3. Cao Huy Đình, *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội, 1976 (in lần thứ 2).
4. Chu Xuân Diên, Lương Văn Đang, Phương Tri, *Tục ngữ Việt Nam*, NXB KHXH, H. 1975.
5. Hoàng Văn Hành (Chủ biên), *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002

6. Nguyễn Nhã Bản (Chủ biên), *Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh*, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1999.
7. Nguyễn Nhã Bản, *Đặc trưng cấu trúc – ngữ nghĩa của thành ngữ, tục ngữ trong ca dao*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2004.
8. Nguyễn Nhã Bản (Chủ biên), *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Nghệ Tĩnh*, NXB Nghệ An, 2005.